

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 19/2021/DS-ST

Ngày: 08/7/2021

V/v: “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Thúy;

Ông Đỗ Đức Hùng.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đàm Thu Hường – Thư ký Tòa án;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 39/2018/TLST-DS Ngày 24/4/2018 về việc: “*Tranh chấp tài sản thừa kế*” Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX – DS Ngày 10/12/2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1949, có mặt;

Bi đơn: Ông Nguyễn Đức Công, sinh năm 1968, có mặt;

Địa chỉ: Khu phố LX, phường ĐN, thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1943 (ủy quyền cho ông H);

Địa chỉ: Thôn TH, xã D, huyện Krong Năng, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1953, có mặt;

Địa chỉ: Tổ 5, phường TX, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954 (ủy quyền cho ông L);

4. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1963, có mặt;

5. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Khu phố LX, phường ĐN, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;

6. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960 (Ủy quyền cho ông L);

Địa chỉ: Đội 2 nông trường cà phê E, xã D, huyện Krong Năng, tỉnh Đắk Lắk;

7. Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1957, có mặt;

Địa chỉ: Tổ 17, Khu phố 4, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;

8. Bà Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1972;
 9. Chị Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm 1998;
 10. Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 2000;
- Cùng địa chỉ: Khu phố LX, phường ĐN, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
11. Ủy ban nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;
- Người đại diện theo ủy quyền:
Ông Nguyễn Văn C – Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường;
Ông Th, bà H1, anh T, chị Tr, ông C đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Cụ ông Nguyễn Văn M (1915- 06/11/1995) có một con riêng là bà Nguyễn Thị Đ. Cụ M kết hôn với cụ bà Phan Thị D (1924 – 29/5/2017) sinh được 8 con gồm: Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Nh, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Đức C và ông Nguyễn Văn Th. Các cụ không để lại di chúc, không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi. Mẹ đẻ của bà Đ chết sớm. Nên bà Đ ở với cụ M và cụ D.

Cụ M là chủ sử dụng thửa đất số 234, tờ bản đồ số 23, diện tích 143m², được UBND huyện Tiên Sơn (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCN) ngày 07/6/1996; thửa đất có tứ cận:

Phía Đông Bắc giáp đất hộ ông Thóc;

Phía Tây Nam giáp đất ông Thể Hoạt;

Phía Nam giáp ngõ đi;

Phía Tây Bắc giáp đất Tôn giáo (chùa Lễ Xuyên).

Kết quả đo đạc chính quy là thửa đất số 50 + 51, tờ bản đồ số 48, tổng diện tích là 160,7m². Dự kiến chia tách thành 2 thửa: thửa số 50 (diện tích 84,6m²) đứng tên ông Nguyễn Văn Nh; Thửa số 51 (diện tích 76,1m²) đứng tên kê khai trên bản đồ là cụ Phan Thị D. Về tứ cận giáp ranh của thửa đất vẫn giữ nguyên, không bị tranh chấp về mốc giới.

Tài sản trên đất: Trên thửa số 51 do ông Công đang sử dụng có một nhà mái bằng 01 tầng (do cụ Da xây dựng có diện tích 50m²). Sau này, vợ chồng ông C, bà H1 xây dựng tầng 2. Tổng diện tích của nhà hai tầng là 81,95m². Ngoài ra còn một phần nhà ông C xây nối tiếp từ nhà trần của cụ D xây dựng, công trình phụ, tường bao, cổng ngõ

Trên thửa số 50 có: Nhà mái bằng 01 tầng, diện tích theo kết quả đo đạc là 31,85m². Trước đây cụ Da xây dựng và sử dụng làm nơi ở. Sau khi cụ qua đời thì

nhà này sử dụng làm nơi thờ cúng. 01 nhà sử dụng làm khu phụ ở phía trước, tường bao, cổng ngõ.

Nguyên đơn khi khởi kiện yêu cầu: Chia tài sản thừa kế cụ M, cụ D để lại cho các con là 143m² đất (đã có GCN), tài sản trên đất và tài sản là đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: Tivi, máy điều hòa, giường, tủ, bàn ghế. Sau đó, đề nghị chia thừa kế với cả diện tích 160,7m², rút yêu cầu chia tài sản là các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình và truất quyền hưởng thừa kế của ông C.

Bị đơn ông Nguyễn Đức C trình bày: Đồng ý với lời trình bày của Nguyên đơn về các nội dung: Thời điểm mất của bố mẹ, quan hệ gia đình và việc các cụ không để lại di chúc.

Về tài sản: Ông Công cho rằng khi cụ Mận, cụ Da còn sống đã tuyên bố cho ông sử dụng toàn bộ thửa đất có diện tích 143m². Sau khi cụ M chết, cụ D vẫn sinh sống cùng với vợ chồng ông. Ông C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài 143m² được sử dụng từ năm 1980 thì còn khai hoang khoảng 20m². Nên diện tích đo đạc là 160,7m². Tài sản trên đất: Năm 1980, bố mẹ chỉ xây nhà tạm. Năm 1996, ông C đã phá nhà tạm, xây nhà trần. Khi đó cụ M đã chết, cụ D đã 72 tuổi, không còn khả năng lao động, anh em không đóng góp gì. Năm 2003, xây lên tầng 2 và ngôi nhà mái bằng (hiện thờ cúng). Năm 2005, làm cầu thang, nhà mái bằng nối thông với nhà 2 tầng, ngõ đi và công trình phụ (bếp và nhà vệ sinh). Toàn bộ tài sản trên đất là công sức của ông và bà H (vợ) đã xây dựng lên. Các con là anh T, chị Tr còn nhỏ, không có công sức gì.

Ông C (do bà M trước đó đại diện theo ủy quyền) có đơn yêu cầu phản tố đề nghị:

- Hủy GCN mà UBND huyện Tiên Sơn (cũ) cấp ngày 07/6/1996 cho cụ M (trong khi cụ M đã chết từ 11/1995). GCN phải được cấp cho cả hộ gia đình (gồm cụ M, cụ D và ông C)

- Xác định thửa đất thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình cụ M gồm: Cụ M, cụ D và ông C chứ không phải chỉ của cụ M.

- Công nhận quyền sử dụng gần 20m² trong khuôn viên đất ở do ông C khai hoang đã sử dụng từ năm 1980;

- Đề nghị chia bằng hiện vật vì ông Công không còn chỗ ở nào khác. Việc phân chia di sản thừa kế tính đến công sức nuôi dưỡng, chăm sóc bố mẹ và tôn tạo di sản thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Các ông Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Nh đều nhất trí với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông H. Phần di sản thừa kế

của bố mẹ sẽ giao cho ông L đứng tên quyền sử dụng. Ông L có quyền, đồng thời thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Bà H, anh T, chị Tr (là vợ và các con của ông C) nhất trí với lời trình bày của ông Công.

Ủy ban nhân dân thị xã Từ Sơn: Văn bản trả lời số 60/UBND-TNMT Ngày 20/6/2019 trả lời căn cứ cấp giấy là luật Đất đai năm 1993 và QĐ 201/ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất (tổng cục địa chính). Việc cấp GCN đối với diện tích đất ở và 3 thửa đất nông nghiệp là cho hộ gia đình cụ Mận.

Tại phiên tòa: Ông H, ông L, ông Nh, ông Ch cùng thống nhất yêu cầu: Chia tài sản thừa kế của cụ M và cụ D để lại là toàn bộ diện tích đất 160,7m² và tài sản trên đất theo quy định của pháp luật. Rút yêu cầu về việc chia tài sản thừa kế là đồ dùng sinh hoạt của cụ D. Bác yêu cầu thừa kế của ông C do ông C đối xử không tốt với cụ D, khiến cho cụ phải làm đơn từ bỏ.

Ông C: Thừa đất có diện tích 143m² đã được cấp GCN mang tên cụ M là tài sản bố mẹ đã cho ông C. Ông C không còn chỗ ở nào khác, còn các anh ai cũng có đất ở riêng; Yêu cầu được công nhận diện tích đất tăng thêm 20m² do công sức tu tạo của vợ chồng ông C và hủy GCN mang tên cụ M. Giữ nguyên 5 nội dung trong đơn phản tố mà bà Nguyễn Thị M (người đại diện theo ủy quyền trước đây đã đề nghị).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Căn cứ: Khoản 1 Điều 117, Điều 118 – BLDS năm 1995; Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, điểm a khoản 1 Điều 621, Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 654, Điều 660, Điểm d khoản 1 Điều 688; khoản 1 Điều 623 – Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP TANDTC Ngày 30/6/2016; Khoản 2 Điều 3 – Luật Đất đai năm 1993; Khoản 1 Điều 168; Khoản 1 Điều 188; Điểm a, k khoản 4, khoản 5, 6 Điều 95, Điều 167 – Luật Đất đai 2013; Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND Ngày 05/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh; Điều 6 Thông tư liên tịch số: 01/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP Ngày 06/01/2014; Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và yêu cầu của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ M, cụ D. Xác nhận di sản thừa kế gồm: Quyền sử dụng thửa đất có diện tích 143m². Tài sản trên đất là nhà trần tầng 1 (nằm trên phần đất ông C đang sử dụng), nhà dùng làm khu phụ. Chia cho ông C sử dụng phần đất hiện đang sử dụng, có các tài sản gồm: Nhà trần tầng 1 (cụ D xây dựng)

và toàn bộ công trình trên đất vợ chồng ông C, bà H đã xây dựng. Chia cho ông L (đại diện cho các anh, chị em) sử dụng phần đất của D đã ở trước đây; Trên đất có tài sản là nhà ở ông C xây dựng, nhà làm khu phụ và tường bao. Việc trích chia tài sản chênh lệch theo quy định của pháp luật. Diện tích đất tăng lên so với GCN thuộc bên nào thì bên đó được sử dụng; Không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc truất quyền thừa kế của ông C.

Không chấp nhận yêu cầu của ông C về việc: Công nhận quyền sử dụng diện tích đất tăng lên thuộc quyền sử dụng của ông C và Hủy GCN đã cấp cho cụ Nguyễn Văn M (do các đương sự có quyền đăng ký biến động đất đai khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

[1] Đề nghị xin thay đổi người tiến hành tố tụng:

Sau khi Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn thụ lý lại vụ án vào ngày 02/3/2021, trong thời hạn chuẩn bị xét xử, ông H có đơn gửi Chánh án Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn và nhiều cơ quan đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng là Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án vì có hành vi “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Đơn đề nghị của ông H thuộc thẩm quyền giải quyết của Chánh án Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn. Tại văn bản số 48/2021/CV-TA Ngày 09/3/2021, Chánh án Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn đã trả lời không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của ông H.

Tại phiên tòa, ông H vẫn có yêu cầu xin thay đổi Thẩm phán và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án dân sự, làm chủ tọa phiên tòa không thuộc trường hợp quy định tại Điều 52, Điều 53 – BLTTDS. Do vậy, không chấp nhận đề nghị xin thay đổi Thẩm phán theo đề nghị của đương sự.

[2] Việc ủy quyền và sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông C đã ủy quyền cho bà M tham gia tố tụng. Bà M đã tham dự phiên tòa ngày 16/11/2020. Sau khi Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn thụ lý lại vụ án để giải quyết, ông C đã tự mình tham gia tố tụng.

Các đương sự khác trong vụ án là bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị V cùng ủy quyền cho ông L. Bà Đ ủy quyền cho ông H. Việc ủy quyền của các đương sự hoàn toàn hợp lệ, không vi phạm các điều kiện không được ủy quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 87 – BLTTDS. Nên được HĐXX chấp nhận. Vợ và các con của ông C là bà H, anh T, chị Tr – Là những người đang sinh sống trên thửa đất các

đương sự đang yêu cầu chia thừa kế - Được xác định là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Cơ quan đã cấp GCN cho ông Nguyễn Văn M là Ủy ban nhân dân huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc. Sau khi được chia tách địa giới hành chính thành hai huyện Tiên Du và Từ Sơn (nay là thị xã Từ Sơn). Do đó, UBND thị xã Từ Sơn là pháp nhân kế thừa quyền, nghĩa vụ của UBND huyện Tiên Sơn. Người đại diện theo ủy quyền của UBND thị xã Từ Sơn là ông Nguyễn Văn C.

Ông Th, bà H1, anh T1, chị Tr, ông C đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 – BLTTDS, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt các đương sự có tên trên.

[3] Thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Văn M chết ngày 06/11/1995. Cụ Phan Thị D chết ngày 29/5/2017. Ngày 06/11/2017, ông Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu chia tài sản thừa kế do bố mẹ để lại là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688; khoản 1 Điều 623 – Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP TANDTC Ngày 30/6/2016; Thời hiệu thừa kế đối với bất động sản là 30 năm nên việc khởi kiện của ông Huân vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Hàng thừa kế và quyền được hưởng di sản thừa kế: Cụ Nguyễn Văn M và cụ Phan Thị D sinh được 8 con gồm: Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Nh, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Đức C.

Cụ M trước khi kết hôn với cụ D có một con riêng là bà Nguyễn Thị Đ. Giữa bà Đ và cụ D là quan hệ con chồng, mẹ kế. Nhưng do mẹ đẻ đã mất từ khi bà Đ còn rất nhỏ. Cụ D đã chăm sóc, nuôi dưỡng bà Đ như con đẻ. Nên bà Đ ngoài việc hưởng thừa kế của cụ M thì cũng được hưởng thừa kế của cụ D. Cụ D không có con riêng. Các cụ không để lại di chúc, không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi mà có quan hệ nuôi dưỡng thực sự.

Ông H và những người con của cụ M, cụ D đề nghị truất quyền thừa kế của ông C vì: Ông C đối xử với cụ D không đúng đạo lý của người làm con. Cụ D đã làm đơn từ ông C. Đơn của cụ D đã được gửi cho Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn nhưng vẫn không được giải quyết.

HĐXX thấy rằng: Tài liệu ông H cung cấp là một biên nhận có nội dung: “7/10/2013, tiếp nhận đơn của cụ Phan Thị D, 1924, LX, Đ N” bên dưới có chữ ký và họ tên là Nguyễn Thị Hà. Với chứng cứ ông H cung cấp thì không đủ thông tin cụ D đã gửi đơn cho cơ quan nào giải quyết.

Các đương sự đều thừa nhận, đến nay không có một bản án Hình sự nào đã kết án ông C về hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc ngược đãi nghiêm trọng, hành hạ, xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm đối với cụ M, cụ D hoặc đối với những người cùng hàng thừa kế nhằm hưởng di sản thừa kế. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của ông H và những người liên quan về việc truất quyền thừa kế của ông C. Ông C là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, vẫn được quyền thừa kế di sản từ cụ M (bố đẻ) và cụ D (mẹ đẻ) theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 651 – BLDS 2015.

[5] *Xác định di sản thừa kế*: Ngày 07/6/1996, Ủy ban nhân dân huyện Tiên Sơn đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Văn M đối với thửa đất số 234, tờ bản đồ số 23, diện tích 143m² và 03 thửa đất nông nghiệp. Các thửa đất đều có địa chỉ thôn Lễ Xuyên, xã Đồng Nguyên (nay là khu phố Lễ Xuyên, phường Đồng Nguyên), thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Theo các đương sự trình bày: Thửa đất có nguồn gốc được Nhà nước cấp theo tiêu chuẩn gia đình đông con. Khi các con của cụ M, cụ D xây dựng gia đình thì đều ra ở riêng và có chỗ ở ổn định. Chỉ có cụ D, cụ M và ông C là những người sinh sống trên thửa đất. Cụ M chết tháng 11/1995. Sau đó chỉ còn cụ D, ông C và sau này là vợ, con ông C cùng sinh sống trên đất.

Kết quả thu thập chứng cứ đã thể hiện tại thời điểm Cơ quan có thẩm quyền cấp GCN cho cụ Nguyễn Văn M:

- Sổ hộ khẩu lập ngày 25/7/1991 (thời điểm trước khi thửa đất được cấp GCN) hộ gia đình cụ Mận có 3 nhân khẩu gồm: Cụ M, cụ D, ông C.

- Biên bản xác minh ngày 19/9/2018 tại UBND phường Đồng Nguyên cung cấp: GCN được cấp cho thửa đất ở và 3 thửa đất nông nghiệp được cấp theo hình thức công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cụ Nguyễn Văn M ;

- Văn bản số 60/UBND-TNMT Ngày 20/6/2019 của người đại diện theo ủy quyền của UBND thị xã Từ Sơn cũng khẳng định toàn bộ trình tự, thủ tục cấp GCN cho chủ sử dụng đất là hộ gia đình cụ Nguyễn Văn M.

Mặc dù GCN cấp ghi tên cụ Nguyễn Văn M, nhưng căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 117, Điều 118 – BLDS năm 1995 thì cụ M là chủ hộ đại diện cho hộ gia đình; Quyền sử dụng đất hợp pháp của hộ gia đình cũng là tài sản chung của hộ. Do vậy, quyền sử dụng thửa đất số 234, tờ bản đồ số 23, diện tích 143m² đã được UBND huyện Tiên Sơn cấp GCN cho cụ Nguyễn Văn M là tài sản chung của cụ Mận, cụ Da và ông Công. Cụ M, cụ D, ông C mỗi người có quyền sử dụng 47,66m².

Thửa đất được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 143m² Kết quả đo đạc chính quy thửa đất hiện nay diện tích 160,7m². Căn cứ quy định tại

khoản 2 Điều 3 – Luật Đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 168, khoản 1 Điều 188 – Luật Đất đai 2013 thì diện tích 143m^2 đủ điều kiện để là di sản thừa kế. Diện tích tăng lên sẽ được xem xét tại phần sau của bản án.

Tòa án đã tiến hành việc xem xét, thẩm định và định giá tài sản vào ngày 27/9/2018. Còn một số tài sản chưa được xem xét và định giá là: Phần tường phía trước và cổng ngõ của hai phần đất (cụ D đã ở và ông C hiện đang ở). Các đương sự đều thống nhất không tiến hành xem xét, thẩm định bổ sung và định giá các tài sản này. Vẫn giữ nguyên kết quả định giá mà không yêu cầu định giá lại. Theo kết quả định giá tài sản, các tài sản trên đất có giá trị như sau

**Trên phần đất cụ Da đã sinh sống có tài sản gồm:*

- Nhà ở: $31,85\text{m}^2 \times 2.834.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 30\% = 27.078.870\text{đồng}$;
- Khu phụ phía trước: $9,04\text{m}^2 \times 2.770.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 25\% = 6.260.200\text{đồng}$;
- Tường rào: $32,62\text{m}^2 \times 248.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 75\% = 2.365.920\text{đồng}$. Phần tường rào ngăn cách giữa hai phần đất các đương sự đã thống nhất trình bày tại thời điểm định giá còn tồn tại. Nhưng hiện đã bị ông C phá dỡ, không còn nữa.

Đối với khu phụ phía trước và tường rào, các đương sự đều thống nhất là tài sản của cụ D. Khi cụ xây dựng các con bỏ công phụ giúp.

Đối với nhà ở (được xây dựng năm 2003), phía anh em ông H cho rằng là tài sản của cụ D. Ông C cho rằng do ông C xây dựng và xuất trình chứng cứ là xác nhận của một số người làm chứng đã xây nhà cho ông C. Kết quả thu thập chứng cứ, những người làm chứng đã khẳng định năm 2003, 2005 có xây nhà cho ông Công, trong đó có phần nhà 1 tầng bên phần đất của cụ Da. Phía anh em ông H khẳng định là tài sản của cụ D xây dựng, nhưng lại không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày. Do vậy, có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông Công, phần nhà này do vợ chồng ông C, bà H1 đã xây dựng.

**Trên phần đất ông C, bà H1, anh T, chị Tr đang sinh sống có tài sản gồm:*

- Nhà ở: $32,62\text{m}^2 \times 2.834.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 30\% = 27.733.524\text{đồng}$;
- Khu phụ trên tầng 2: $5,78\text{m}^2 \times 1.667.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 25\% = 2.408.000\text{đồng}$;
- Nhà ở: $81,95\text{m}^2 \times 2.920.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 25\% = 59.823.500\text{đồng}$ (tầng 1 có diện tích 50m^2 , tầng 2 có diện tích $31,95\text{m}^2$)

Các đương sự thống nhất: Phần nhà ở ($32,62\text{m}^2$), tầng 2 ($31,95\text{m}^2$) và khu phụ trên tầng 2 là do vợ chồng ông C xây dựng).

Đối với phần nhà ở tầng 1 (50m^2), Ông Công cho rằng do ông C xây dựng từ năm 1996. Ông H và các con cụ D cho rằng là tài sản cụ D xây dựng sau khi cụ Mận đã mất. Khi đó, cụ D ngoài 70 tuổi vẫn có thu nhập và tích cóp được. Trong khi ông C chưa lập gia đình, chưa có công ăn, việc làm ổn định. Cụ D là người bỏ tiền ra, các con đều có công sức giúp cụ xây dựng.

Ông C có nghĩa vụ chứng minh đối với lời trình bày của ông H và các con cụ Da. Tài liệu mà ông C cung cấp là những người làm chứng cho việc đã xây dựng nhà cho ông C đều vào thời gian năm 2003, năm 2005. Do việc ông C không chứng minh được nên lời trình bày của bên ông H được chấp nhận. Tầng 1 của nhà ở nói trên là tài sản của cụ D.

Tài sản của cụ D đã xây dựng gồm: Tầng 1 của nhà ở trên phần đất của ông Công ($50m^2 \times 2.920.000đ/m^2$) $\times 25\% = 36.500.000đ$; Khu phụ phía trước: (6.260.200đ). Tổng cộng 42.760.200đ. Đối với phần tường rào, đã bị phá dỡ, nên không còn là di sản thừa kế của cụ D.

Di sản thừa kế cụ M để diện tích đất 47,7m². Di sản thừa kế cụ D để lại gồm: 47,7m², phần di sản được thừa kế từ cụ M và giá trị tài sản cụ D xây dựng trên đất 42.760.200đ.

[6] Cách thức phân chia di sản thừa kế:

*Chia giá trị quyền sử dụng đất: Di sản thừa kế cụ M để lại là: 47,66m² $\times 7.000.000đ/m^2 = 333.620.000đ$. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Mận gồm cụ Da và 9 người con. Những người con của cụ M đều xây dựng gia đình và ra ở riêng. Chỉ có duy nhất ông C sống trên thửa đất từ sau khi các cụ qua đời cho đến nay. Ông C là người sử dụng và trông coi di sản thừa kế. Ông C sẽ được hưởng thêm một suất thừa kế. Di sản thừa kế của cụ M sẽ chia làm 11 phần: 333.620.000đ : 11 = 30.329.090đ. Ông C được hưởng 2 suất có giá trị: 30.329.090đ $\times 2 = 60.658.180đ$. Cụ D được hưởng 30.329.090đ. Những người con còn lại (8 người) được hưởng: 30.329.090đ $\times 8 = 242.632.720đ$.

Di sản thừa kế cụ D gồm: Phần giá trị đất được hưởng từ cụ M 30.329.090đ; Phần giá trị đất của cụ D 333.620.000đ. Tổng cộng 363.848.090đ. Những người thừa kế của cụ Da có 8 người con đẻ. Bà Đ là con riêng của cụ M, nhưng có quan hệ nuôi dưỡng với cụ D, nên bà Đ cũng được hưởng di sản thừa kế của cụ D. Ông C là người trực tiếp sinh sống trên đất, có công trong việc chăm sóc cụ D, trông coi tài sản thừa kế từ khi cụ D mất, nên cũng được hưởng thêm một suất thừa kế. Phần di sản thừa kế của cụ D chia làm 10 phần: 363.848.090đ : 10 = 36.394.909đ. Ông C được hưởng 36.394.909đ $\times 2 = 72.789.818đ$.

Như vậy, sau hai lần chia thừa kế, ông C được hưởng giá trị quyền sử dụng đất là: 60.658.180đ + 72.789.818đ = 133.447.998đ. Tương đương với diện tích đất 133.447.998đ : 7.000.000đ = 19,06m². Ông C có quyền sử dụng 1/3 diện tích (47,66m²) nên tổng diện tích ông C được sử dụng là: 66,72m². Những người con của cụ D, cụ M sẽ được hưởng: 76,28m².

Điều kiện phân chia: Theo kết quả đo đạc chính quy: Phần diện tích ông C đang sử dụng có diện tích $76,1\text{m}^2$; Phần cụ D đã sử dụng có diện tích $84,6\text{m}^2$. Diện tích đất tăng lên ($160,7 - 143 = 17,7\text{m}^2$). Trong khi thửa đất đã được sử dụng ổn định từ khi được giao. Năm 1996 khi cụ D, cụ M xây nhà cấp 4 đã xây hết diện tích phía sau giáp chùa của thôn Lễ Xuyên (chùa Sùng Phúc). Tứ cận của thửa đất cũng không thể lấn chiếm vì hai bên đều giáp đất của hai hộ liền kề. Phía sau giáp đất chùa, phía trước giáp đường đi. Nên không thể chấp nhận đề nghị của ông C cho rằng diện tích đất tăng lên là do ông C khai hoang. Diện tích đất tăng lên bên phần đất ông C đang sử dụng ($76,1\text{m}^2 - 66,72\text{m}^2 = 4,88$); Diện tích đất tăng lên bên phần đất cụ D đã sử dụng ($84,6\text{m}^2 - 76,28\text{m}^2 = 8,32\text{m}^2$) do đã được sử dụng ổn định, không bị tranh chấp với ai. Các đương sự tiếp tục được sử dụng. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất tăng lên theo quy định của pháp luật về đất đai.

Xét nguyện vọng của các bên và nhu cầu sử dụng đất: Ông C không có chỗ ở nào khác, nên việc phân chia bằng hiện vật là phù hợp. Để đảm bảo giá trị sử dụng của các công trình xây dựng trên đất và hạn mức đất tối thiểu khi tách thửa được quy định trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; HĐXX xét thấy cần giữ nguyên ranh giới hai phần đất. Ông C tiếp tục sử dụng phần đang sử dụng. Những người con khác của cụ D, cụ M sẽ sử dụng phần đất cụ D đã sử dụng.

Căn cứ Điểm a, k khoản 4, khoản 5, 6 Điều 95, Điều 167 – Luật Đất đai 2013, sau khi bản án phân chia tài sản thừa kế có hiệu lực pháp luật, các bên có quyền đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo kết quả giải quyết của Tòa án. Do vậy, không cần thiết phải tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Tiên Sơn đã cấp cho cụ Nguyễn Văn M theo đề nghị của ông C.

**Chia giá trị tài sản trên đất:* Tài sản trên đất cụ M khi còn sống đã xây dựng hiện không còn. Phần tài sản của cụ D xây dựng có giá trị 42.760.200đồng. Cũng tương tự như cách phân chia quyền sử dụng đất của cụ Da. Ông C sẽ được hưởng 2 phần: $[(42.760.200\text{đồng}: 10) \times 2] = 8.552.040\text{đồng}$. Những người con của cụ D được hưởng: $42.760.200\text{đồng} - 8.552.040\text{đồng} = 34.208.160\text{đồng}$.

Do ông C đang sử dụng phần nhà tầng 1 cụ D đã xây dựng có giá trị 36.500.000đồng. Nên sẽ phải trích trả cho những người thừa kế khác giá trị là: $36.500.000\text{đồng} - 8.552.040\text{đồng} = 27.974.960\text{đồng}$. Tuy nhiên bên phần đất cụ Da ở có phần nhà ông C xây dựng (27.078.870đồng) do những người thừa kế khác sử dụng. Nên sau khi khấu trừ, ông C còn phải trích trả giá trị là: $27.974.960\text{đồng} - 27.078.870\text{đồng} = 896.090\text{đồng}$.

[7] *Án phí và chi phí tố tụng:* Do yêu cầu khởi kiện về chia di sản thừa kế được chấp nhận, Các bên phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo tỷ phần được chia.

Ông C được chia phần tài sản có giá trị: 133.447.998đồng (giá trị đất) + 8.552.040đồng(giá trị tài sản trên đất) = 142.000.038đồng. Phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $(142.000.038\text{đồng} : 100) \times 5 = 7.100.000\text{đồng}$.

Các con cụ D được chia phần tài sản có giá trị: 533.960.000đồng (giá trị đất) + 34.208.160đồng (giá trị tài sản trên đất) = 568.168.160đồng. Do ông L nhận phần quyền nên phải thực hiện nghĩa vụ chịu án phí: Với 400.000.000đồng có án phí là 20.000.000đồng.

Giá trị còn lại được tính: $[(568.168.160\text{đồng} - 400.000.000\text{đ}) : 100] \times 4 = 6.726.000\text{đồng}$. Tổng cộng là 20.000.000đồng + 6.726.000đồng = 26.726.000 đồng. Ông H, bà Đ, ông Nh, ông L, bà H1 và bà V là những người cao tuổi, nên được miễn toàn bộ án phí DSST. Ông Ch, ông Th phải chịu án phí là: $(26.726.000\text{đồng} : 8) \times 2 = 6.680.000\text{đ}$ (làm tròn số)

*Yêu cầu của ông C về việc Hủy GCN đã cấp cho cụ M do không được chấp nhận nhưng là loại việc không phải chịu án phí DSST.

Chi phí tố tụng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ hết số tiền 5.000.000đồng. Ông H đã nộp đủ số tiền trên và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Di sản thừa kế đã chia cho 9 người thừa kế được sử dụng, số tiền chi phí tố tụng cũng được chia đều cho 9 người, mỗi người sẽ phải chịu:

$5.000.000\text{đ} : 9 = 550.000\text{đồng}$ (làm tròn số).

Ông H, ông C mỗi người phải chịu 550.000đồng. 7 người còn lại sẽ phải chịu 550.000đồng $\times 7 = 3.850.000\text{đồng}$. Như vậy, ông C phải hoàn trả ông H 550.000đồng. Ông L (đại diện cho các đồng thừa kế khác) phải hoàn trả ông H số tiền 3.850.000đồng.

[8]Nội dung liên quan khác:

- Ngày 12/11/2020, ông C có đơn yêu cầu phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất ở của bố mẹ hiện do các ông H, ông Th, ông Ch đang sử dụng tại khu phố Lễ Xuyên, phường Đồng Nguyên và diện tích đất nông nghiệp. Trong phạm vi ủy quyền của ông Công cho bà Nguyễn Thị Mến thực hiện các công việc để giải quyết nội dung vụ án theo thông báo thụ lý số 39/2018/TLST-DS Ngày 24/4/2018 về việc: “*Tranh chấp tài sản thừa kế*” là quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất có diện tích 143m². Ngày 10/01/2019 và ngày 05/11/2019, Tòa án đã tiến hành phiên họp, kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy, yêu cầu bổ sung của ông C vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu của Nguyên đơn nên sẽ không được thụ lý để xem xét. Ông C có quyền khởi kiện thành vụ án Dân sự khác đối với những tài sản này khi tuân thủ các điều kiện khởi kiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ngày 30/6/2021, ông Nguyễn Văn L có đơn tố cáo với nội dung: Bức tường ngăn cách giữa hai phần đất và phần bếp nấu ăn trong nhà cụ D trước đây sinh sống đã bị ông C phá dỡ, hiện không còn. Tại phiên tòa, các bên đương sự đều thống nhất như nội dung ông L đã trình bày. Nội dung đã được các đương sự thừa nhận, đương sự cũng không yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ lại về tài sản trên đất. Nội dung ông L tố cáo về hành vi của ông C hủy hoại tài sản của cụ D không thuộc thẩm quyền giải quyết trong vụ án Dân sự của Tòa án nhân dân. Với đề nghị này, ông Luyện liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền giải quyết đơn tố cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 56, Khoản 1 Điều 227, Điều 229; Khoản 1 Điều 158, Khoản 1 Điều 166; Điều 147; Điều 271, Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 117, Điều 118 – BLDS năm 1995

Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, điểm a khoản 1 Điều 621, Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 654, Điều 660, Điểm d khoản 1 Điều 688; khoản 1 Điều 623 – Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP TANDTC Ngày 30/6/2016;

Khoản 2 Điều 3 – Luật Đất đai năm 1993;

Khoản 1 Điều 168; Khoản 1 Điều 188; Điểm a, k khoản 4, khoản 5, 6 Điều 95, khoản 5 Điều 98; Điều 167 – Luật Đất đai 2013;

Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND Ngày 05/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về diện tích đất tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 6 Thông tư liên tịch số: 01/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP Ngày 06/01/2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; Yêu cầu của những người có quyền lợi liên quan đến vụ án về việc chia tài sản thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của cụ Nguyễn Văn M và cụ Phan Thị D;

- Không chấp nhận đề nghị của ông H, ông L, ông Nh, ông Ch, ông Th về việc truất quyền thừa kế của ông C đối với di sản do cụ M, cụ D để lại;

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đức C về việc: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc (cũ) đã cấp cho ông Nguyễn Văn M (do không cần thiết phải tuyên hủy) và yêu cầu công nhận quyền sử dụng 17,7m² đất ở (liền kề diện tích đất ở 143m²) do vợ chồng ông C, bà H1 khai hoang.

Tuyên xử:

1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn M gồm: Cụ Phan Thị D, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Nh, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Đức C;

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phan Thị D gồm: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Nh, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn Th và ông Nguyễn Đức C.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn M là 1/3 giá trị quyền sử dụng đất của diện tích 143m² của thửa đất số 234, tờ bản đồ số 23, tại khu phố Lễ Xuyên, phường Đồng Nguyên, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, được Ủy ban nhân dân huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/6/1996 cho cụ Nguyễn Văn Mận.

Di sản thừa kế của cụ Phan Thị D gồm: 1/3 giá trị quyền sử dụng đất của diện tích 143m² của thửa đất nói trên; Phần giá trị tài sản được thừa kế của cụ Nguyễn Văn M và tài sản trên đất gồm: Tầng 1 (của nhà hai tầng trên phần đất ông C, bà H1 đang sử dụng), 01 nhà sử dụng làm khu phụ (trên phần đất cụ Da đã sử dụng).

3. Chia cho: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Nh, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn Chg và ông Nguyễn Văn Th (do ông Nguyễn Văn L đứng tên) quyền sử dụng thửa đất có diện tích 76,28m² (đã có GCN) và sử dụng 8,32m² (chưa được cấp GCN). Tổng diện tích là 84,6m²; có tứ cận:

Phía Tây Bắc giáp chùa Sùng Phúc, dài 5,83m;

Phía Đông Bắc giáp đất ông Công được chia, dài 15,07m;

Phía Đông Nam giáp đường làng, dài 5,37m;

Phía Tây Nam giáp đất ông Phan Văn Thê, dài 15,02m.

Trên đất có các tài sản (do cụ D trước đây đã sử dụng) gồm: 01 nhà trền, 01 nhà sử dụng làm khu phụ, cổng ngõ.

4. Chia cho ông Nguyễn Đức C quyền sử dụng thửa đất có diện tích 66,72m² (đã có GCN) và sử dụng 4,88 (chưa được cấp GCN). Tổng diện tích là 76,1m².

Phía Tây Bắc giáp chùa Sùng Phúc, dài 4,94m;

Phía Đông Bắc giáp đất ông Phan Văn Thóc, dài 14,98m;

Phía Đông Nam giáp đường làng, dài 5,25m;

Phía Tây Nam giáp phần đất được chia, dài 15,07m.

Trên đất có các tài sản (do vợ chồng ông Công, bà Hòa đang sử dụng) gồm: 01 nhà ở hai tầng, khu phụ trên tầng 2, nhà ở một tầng, tường bao, cổng ngõ.

(Có phụ lục kèm theo và là một bộ phận không tách rời khỏi bản án).

Các đương sự có quyền đề nghị và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào bản án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án. Đối với diện tích đất tăng lên được thực hiện theo quy định của khoản 5 Điều 98 – Luật đất đai 2013.

5. Ông Nguyễn Đức C có nghĩa vụ trích trả cho ông Nguyễn Văn L (đại diện cho các thừa kế khác) số tiền chênh lệch tài sản là 896.090đồng *(Tám trăm chín mươi sáu ngàn không trăm chín mươi đồng)*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

6. Án phí: Ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm với số tiền là: 6.680.000 đồng *(Sáu triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng);*

Trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 10.250.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/03310 Ngày 23/4/2018;

Ông Nguyễn Đức C phải chịu 7.100.000đồng *(ngàn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền ông C nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2013/03465 Ngày 04/10/2018; Ông Công tiếp tục nộp số tiền còn thiếu.

Các biên lai thu tiền tạm ứng án phí đều được phát hành bởi Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Chi phí tố tụng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ hết số tiền 5.000.000đồng. Ông H đã nộp tạm ứng với số tiền trên. Ông Nguyễn Văn H phải chịu 550.000đồng. Ông Nguyễn Đức C có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H 550.000đồng. Ông L có nghĩa vụ hoàn trả ông H 3.850.000đồng.

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt án vắng mặt hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 - Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã, tỉnh;
- Chi cục THA TXTS
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phong

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Từ Sơn, ngày 06 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do lỗi về chính tả, nhầm lẫn về số liệu trong bản án số: 19/2021/ST- DS ngày 08/7/2021 của Toà án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về việc: “*Tranh chấp thừa kế tài sản*” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1949, có mặt;

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Công, sinh năm 1968, có mặt;

Địa chỉ: Khu phố LX, phường ĐN, thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

6. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1943 (ủy quyền cho ông H);

Địa chỉ: Thôn TH, xã D, huyện Krong Năng, tỉnh Đắk Lắk.

7. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1953, có mặt;

Địa chỉ: Tổ 5, phường TX, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;

8. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954 (ủy quyền cho ông L);

9. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1963, có mặt;

10. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Khu phố LX, phường ĐN, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;

6. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960 (Ủy quyền cho ông L);

Địa chỉ: Đội 2 nông trường cà phê E, xã D, huyện Krong Năng, tỉnh Đắk Lắk;

7. Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1957, có mặt;

Địa chỉ: Tổ 17, Khu phố 4, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;

11. Bà Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1972;

12. Chị Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm 1998;

13. Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Khu phố LX, phường ĐN, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;

11. Ủy ban nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Văn C – Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường;

Ông Th, bà H1, anh T, chị Tr, ông C đề nghị giải quyết vắng mặt.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung bản án số: 19/2021/ST- DS ngày 08/7/2021 của Toà án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh như sau:

1. Tại dòng thứ 10 (từ trên xuống) tại trang 02 đã ghi: Ông Nguyễn Văn Cương – Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường.

Nay được sửa lại là: Ông Trần Huy Cương – Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường.

2. Tại dòng thứ 8 (từ dưới lên), trang 9 đã ghi: $(76,1m^2 - 66,72m^2 = 4,88)$

Nay được sửa lại là : $(76,1m^2 - 66,72m^2 = 9,38m^2)$

3. Tại dòng thứ 10 (từ trên xuống) trang 13 đã ghi: “...và sử dụng 4,88 (chưa được cấp GCN)”

Nay được sửa lại là: “...và sử dụng 9,38m² (chưa được cấp GCN)”

Vậy thông báo nội dung cho người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng và các cơ quan liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND tx Từ Sơn
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phong

